

Số: /KTHM-06/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN  
THỜI HẠN MÙA TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC  
(Từ tháng 7-12/2025)**

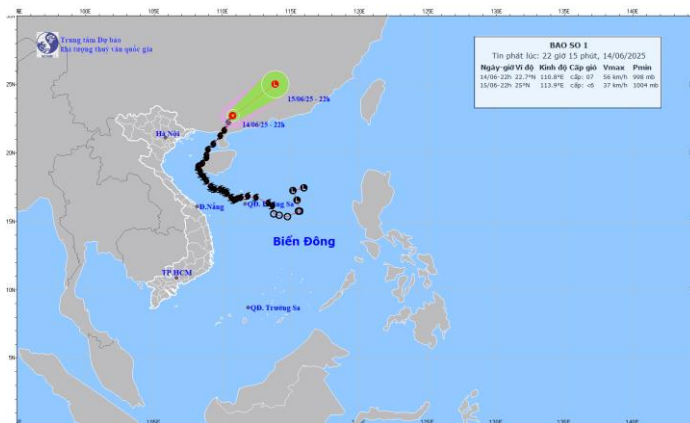
**1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng thủy văn (KTTV) nổi bật trong 02 tháng qua**

**1.1. Tình hình khí tượng**

*a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:*

+ *Dông, lốc, sét, mưa đá:* Trên phạm vi toàn quốc xảy ra một số trận dông, lốc, sét (*Bảng 1-Phụ lục*).

+ *Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):* Sáng sớm ngày 10/6, vùng áp thấp trên khu vực Bắc Biển Đông mạnh lên thành ATNĐ, đến sáng ngày 11/6 mạnh lên thành bão, cơn bão số 01 năm 2025, có tên quốc tế là WUTIP, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8 (62-74km/h), giật cấp 10, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc sau đó chuyển dần theo hướng Bắc Đông Bắc. Đến 19h ngày 13/6, vị trí tâm bão ở vào khoảng 19,0 độ Vĩ Bắc; 108,3 độ Kinh Đông, trên vùng biển phía Đông khu vực Vịnh Bắc Bộ, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 11 (103-117km/h), giật cấp 14. Tối 14/6, sau khi đi sâu vào đất liền khu vực phía Tây Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), bão số 1 suy yếu thành ATNĐ và tan dần.



Hình 1: Bản đồ dự báo quỹ đạo và cường độ bão số 01 lúc 22h15 ngày 14/6/2025.

+ *Không khí lạnh (KKL)*:

Từ tháng 4 đến nửa đầu tháng 6/2025, đã xuất hiện 04 đợt KKL vào các ngày: 12/4, 28/4, 10/5 và 24/5. Trong đó, đợt KKL vào ngày 10/5 tại Vịnh Bắc Bộ đã ghi nhận được gió Đông Bắc mạnh cấp 6, giật cấp 8.

+ *Nắng nóng (NN)*:

Trong thời kỳ tháng 4-5/2025, tại khu vực Bắc Bộ đã xảy ra các đợt NN sau: Ngày 17-20/4, 23-24/4, 02-9/5 và 20-21/5 tại các tỉnh Tây Bắc, Việt Bắc và Cao Bằng, Lạng Sơn; trong đó, riêng ngày 05, 08 và 09/5, NN xuất hiện trên diện rộng ở Bắc Bộ. Trong nửa đầu tháng 6/2025, tại khu vực Đông Bắc Bộ và Hòa Bình có 02 đợt NN sau: Ngày 01-02/6, 06-08/6 và ngày 14/6; trong đó, đợt NN ngày 01-02/6 có nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến từ 38,0-40,0<sup>0</sup>C, một số nơi cao hơn như Sơn Tây (Hà Nội): 40,2<sup>0</sup>C, Láng (Hà Nội): 40,6<sup>0</sup>C,...

Khu vực Trung Bộ trong tháng 4-5/2025, có NN vào các ngày 11-12/4, 18-25/4, 04-09/5, 20-21/5 tại các tỉnh từ Nghệ An đến Quảng Ngãi (riêng từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi nắng nóng kéo dài từ 16-23/5). Trong nửa đầu tháng 6/2025, có NN diện rộng từ ngày 01-03/6 nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 37,0-39,0<sup>0</sup>C và từ ngày 06-08/6 với nhiệt độ cao nhất từ 35,0-38,0<sup>0</sup>C.

Tại khu vực Bắc Tây Nguyên và Nam Bộ trong tháng 4 và nửa đầu tháng 5/2025, đã xuất hiện nhiều ngày NN, trong đó NN diện rộng chủ yếu tập trung tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ với nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến 35,0-37,0<sup>0</sup>C, có nơi trên 37,0<sup>0</sup>C. Từ ngày 10/5, NN suy giảm, chỉ còn xuất hiện cục bộ, riêng miền Đông vẫn có một số ngày có NN diện rộng.

+ *Mưa diện rộng*:

Trong tháng 4/2025, khu vực Bắc Bộ có mưa, mưa rào rải rác vào các ngày: 05-07/4, 12-13/4, 25/4 và 27/4-01/5, riêng khu vực Tây Bắc và Việt Bắc có mưa xảy ra nhiều nơi trong thời kỳ ngày 20-22/4; khu vực Bắc và Trung Trung Bộ có 03 đợt mưa rào diện rộng và có nơi có dông vào các ngày 05-07/4, 12-13/4 và 28-29/4; khu vực Nam Tây Nguyên và Nam Bộ trong tháng nhiều ngày có mưa rào và dông rải rác.

Trong tháng 5/2025, khu vực Bắc Bộ đã xảy ra các đợt mưa lớn diện rộng vào các ngày: 01/5, 10-11/5, 15-20/5 và 23-24/5. Khu vực Trung Bộ có 04 đợt mưa rào và dông diện rộng vào các ngày 10-11/5 tại khu vực Thanh Hóa đến Quảng Ngãi; ngày 16-21/5 tại Thanh Hóa đến Bắc Nghệ An; ngày 24-25/5 từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, ngày 28-29/5 tại khu vực Nam Trung Bộ. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ xảy ra nhiều ngày có mưa rào và dông rải rác.

Trong nửa đầu tháng 6/2025, khu vực Bắc Bộ có mưa diện rộng vào các ngày: 03-10/6, 12-13/6, trong đó, khu vực Việt Bắc có mưa vừa, mưa to trong ngày 04-05/6 với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 50-150mm, riêng Bắc Quang (Hà Giang) 631mm. Khu vực Trung Bộ có mưa diện rộng vào ngày 04-05/6, 08-

09/6, 11-13/6. Đáng chú ý, đợt mưa từ ngày 11-13/6 do ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 1, khu vực từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi có mưa to đến rất to với TLM phổ biến từ 100-250mm; trong đó, khu vực từ Quảng Bình đến Đà Nẵng có TLM từ 300-600mm, có nơi cao hơn như tại Huế 742mm, Nam Đông (Huế) 772mm,... Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ nhiều ngày có mưa, trong đó có ngày có mưa vừa, mưa to diện rộng.

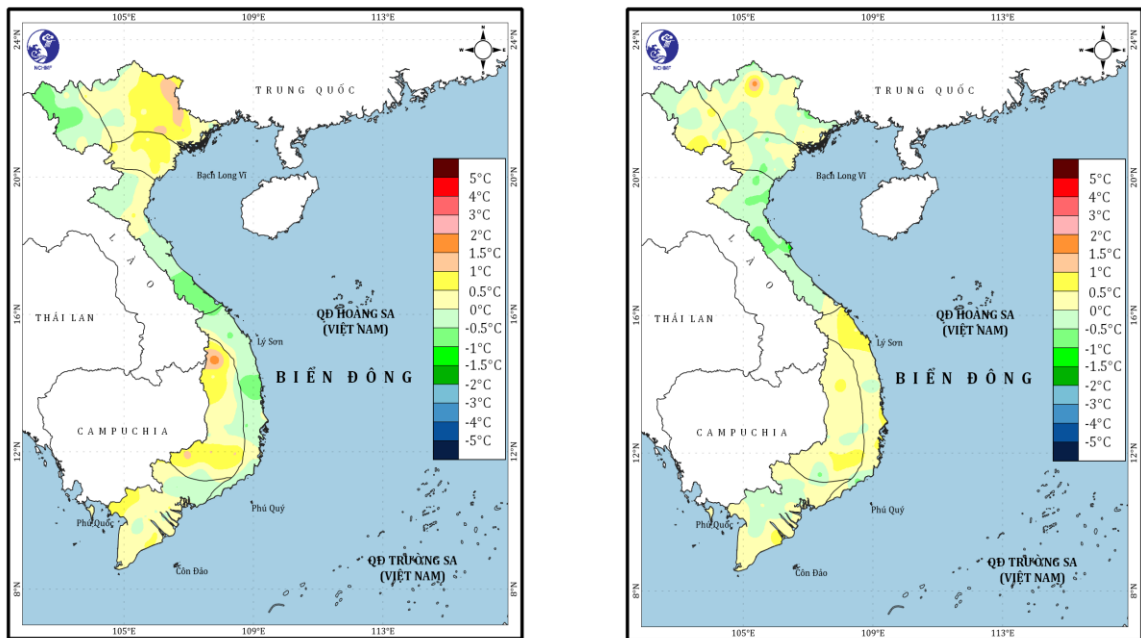
Thời kỳ qua trên cả nước một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa cao nhất ngày và lượng mưa tháng vượt GTLS (Bảng 2, 3, 4, 5, 6-Phụ lục).

*b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa*

+ *Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ):*

Tháng 4/2025, NĐTĐ tại khu vực Đông Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C; các khu vực còn lại NĐTĐ thấp hơn từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2a).

Tháng 5/2025, NĐTĐ tại các khu vực trên cả nước phổ biến xấp xỉ TBNN, riêng khu vực Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến thấp hơn TBNN cùng thời kỳ từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C (Hình 2b).



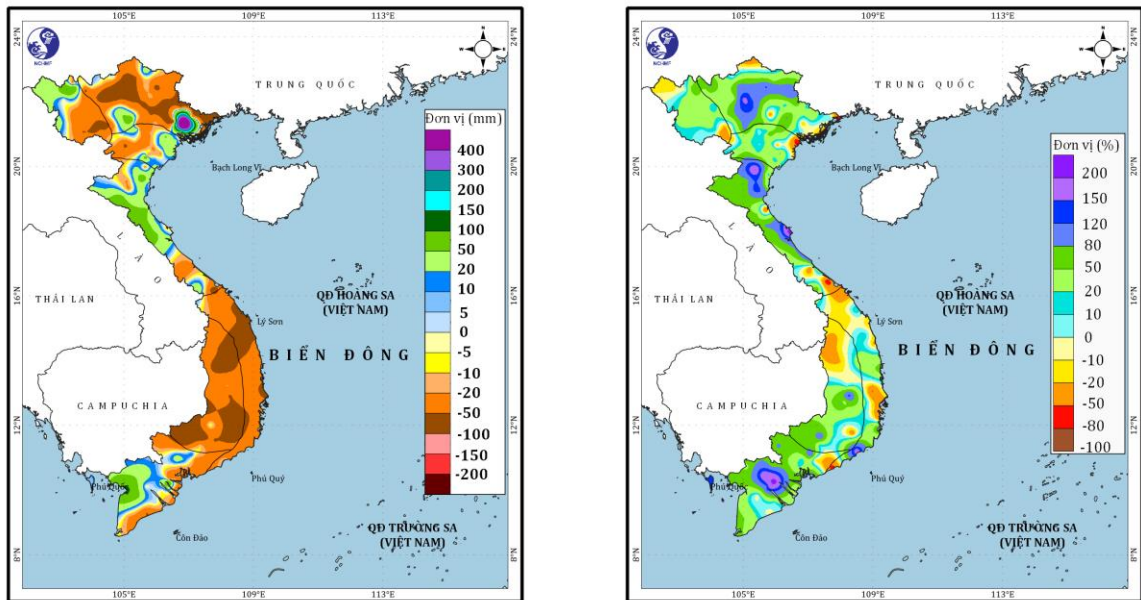
(a)

(b)

Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 4/2025;

(b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 5/2025.

Trong nửa đầu tháng 6/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến xấp xỉ so với TBNN, riêng khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa và bắc Nghệ An cao hơn 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ.



(a)

(b)

Hình 3: (a) Chuẩn sai lượng mưa (mm) 4/2025;

(b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 5/2025.

+ Tổng lượng mưa (TLM):

Tháng 4/2025, TLM trên cả nước phổ biến thấp hơn từ 20-70mm, có nơi thấp hơn 100mm so với TBNN, riêng một số tỉnh phía Tây miền Tây Nam Bộ TLM cao hơn từ 10-40mm so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3a).

Tháng 5, TLM tại hầu hết các khu vực trên cả nước phổ biến cao hơn từ 20-80% so với TBNN; tại Bắc Bộ, Thanh Hóa đến Quảng Bình, khu vực Nam Tây Nguyên và Nam Bộ có nơi cao hơn 80-150%, cục bộ có nơi trên 200% so với TBNN; riêng khu vực Quảng Trị đến Bình Định và khu vực Bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn 15-35%, có nơi thấp hơn 60-70% TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

Trong nửa đầu tháng 6/2025, TLM trên phạm vi cả nước phổ biến thấp hơn từ 20-60% so với TBNN, riêng khu vực từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi cao hơn từ 6 đến 8 lần, có nơi cao hơn từ 10-12 lần so với TBNN cùng thời kỳ.

## 1.2. Tình hình thủy văn, nguồn nước

### a) Khu vực Bắc Bộ:

Từ tháng 4 đến nửa đầu tháng 6, mực nước thượng lưu trên các sông thuộc khu vực Bắc Bộ biến đổi theo xu thế tăng. Từ tháng 5-6, trên thượng lưu hệ thống sông Hồng-Thái Bình đã xuất hiện 1-3 đợt lũ nhỏ, đỉnh lũ của các đợt lũ này đều dưới mức báo động (BĐ)1. Mực nước hạ lưu hệ thống sông Hồng-Thái Bình có dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết của thủy điện tuyến trên và thủy triều.

Tình hình nguồn nước đến các hồ chứa chính khu vực Bắc Bộ: lượng dòng chảy trên sông Đà đến các hồ chứa Lai Châu, Sơn La phổ biến thấp hơn TBNN từ 5-50%, riêng tháng 5 nguồn nước đến hồ Sơn La cao hơn 11%, dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN 75-80%, nhưng nửa đầu tháng 6 thấp hơn TBNN 32%; dòng chảy đến hồ Tuyên Quang trên sông Lô thấp hơn TBNN 43% trong tháng 4, xấp xỉ TBNN từ tháng 5 đến nửa đầu tháng 6; dòng chảy đến hồ Thác Bà trên sông Chảy trong tháng 4 và nửa đầu tháng 6 thấp hơn TBNN 13-14%, cao hơn 10% trong tháng 5.

Tình hình nguồn nước trên các sông Bắc Bộ: dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang, trên sông Thao tại Yên Bái thấp hơn từ 10-65%, riêng nửa đầu tháng 6 tại Yên Bái cao hơn TBNN 38%; dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy, sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn TBNN từ 15-88%; dòng chảy khu vực hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội phổ biến xấp xỉ và cao hơn TBNN.

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Hồng thấp hơn 31% so với cùng kỳ năm 2024.

*b) Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên*

*+ Bắc Trung Bộ:*

Trong tháng 4/2025, các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An mực nước biến đổi chậm, các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện 02 đợt dao động mạnh trong các ngày 12-13/4 và 29/4. Tháng 5/2025, từ ngày 25-27/5 và từ 29-30/5, trên sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố, trung thượng lưu sông Cả và thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa xuất hiện một đợt lũ với biên độ lũ lên từ 1,0-8,5m. Trong đợt lũ này, đỉnh lũ trên các sông ở dưới mức BĐ1, riêng thượng nguồn sông Cả tại Mường Xén lên mức 138,35m (30/5), trên BĐ1: 0,35m. Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng 5 trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-45%; các sông ở Nghệ An thấp hơn TBNN từ 5-10%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Sâu cao hơn từ 60-72%, sông Ngàn Phố thấp hơn từ 5- 15%.

Nửa đầu tháng 6/2025, mực nước thượng lưu các sông trong khu vực có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 10%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn TBNN 9%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn TBNN khoảng 18%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 32%.

*+ Trung Trung Bộ:*

Trong tháng 4/2025, mực nước trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi biến đổi chậm. Từ 10-13/5 và từ 21-31/5, mực nước thượng lưu các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có dao động, khu vực hạ lưu biến đổi chậm, một số sông nhỏ xuất hiện một đợt lũ với đỉnh lũ trên mức BĐ1.

Từ 11-14/6/2025, trên các sông từ Nam Quảng Bình đến Quảng Nam đã xuất hiện 01 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông phổ biến từ BĐ1-BĐ2, có sông trên BĐ2; riêng trên sông Kiến Giang (Quảng Bình), sông Thạch Hãn (Quảng Trị) và sông Bồ (TP. Huế) ở mức BĐ3; các sông khác có dao động.

Lưu lượng dòng chảy từ tháng 04-05/2025, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi cao hơn TBNN cùng kỳ từ 37-118%, sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn 169%; các sông Quảng Trị, sông Vu Gia (Quảng Nam) và sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 55-79%.

Tình hình mực nước các hồ chứa thủy điện vừa và lớn khu vực Trung Trung Bộ ở mức xấp xỉ đến thấp hơn MNDBT từ 2,33-8,92m. Dung tích các hồ thủy điện phổ biến đạt từ 72-100% dung tích hồ.

+ *Nam Trung Bộ:*

Trong tháng 4 và đầu tháng 5/2025, mực nước trên các sông ít biến đổi. Từ ngày 28-29/5, do ảnh hưởng vùng áp thấp trên biển đông gây mưa lớn, các sông từ Bình Định đến Khánh Hòa đã xảy ra một đợt lũ và dao động, đỉnh lũ phổ biến ở dưới mức BĐ1, riêng tại Vĩnh Sơn trên sông Kôn trên BĐ1.

Trong nửa đầu tháng 6, mực nước trên các sông biến đổi chậm, thượng nguồn Ba có dao động. Mực nước hạ lưu sông Kôn tại Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều. Lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN, riêng tại An Hòa và Đồng Trăng cao hơn so với TBNN.

Tình hình mực nước các hồ chứa thủy điện vừa và lớn ở mức thấp hơn MNDBT từ 2,0-5,0m. Dung tích các hồ thủy điện phổ biến đạt từ 50-90% DTH.

Tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ xảy ra tại một số nơi không có công trình thủy lợi thuộc tỉnh Ninh Thuận.

+ *Tây Nguyên:*

Từ tháng 4 đến giữa tháng 5/2025, mực nước trên các sông khu vực Tây Nguyên phổ biến dao động theo vận hành của các hồ chứa thủy điện và công trình thủy lợi và từ nửa cuối tháng 5 trở đi dao động theo xu thế lên. Mực nước trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) đã xuất hiện 3 đợt lũ với đỉnh lũ ở mức báo động (BĐ)1 - BĐ2.

Từ ngày 11-12/6, trên các sông ở Kon Tum xuất hiện 1 đợt lũ với biên độ lũ lên từ 1,96-3,43m. Đỉnh lũ trên sông PôKô tại trạm Đăk Mốt 585,74m (14h/12), trên BĐ2: 0,24m, trên sông Đăk Tơ Kan tại trạm Đăk Tô 578,07m (11h/12), trên BĐ2: 0,07m, thượng lưu sông Đăkbla tại trạm KonPlong 592,6m (09h/12), trên BĐ1: 0,1m.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực có xu thế tăng dần. Dòng chảy trên sông Đăkbla (KonTum) ở mức thấp hơn TBNN khoảng 25-65%,

các sông khác ở mức tương đương TBNN, riêng trên sông Krông Búk và EaKrông (Đắk Lắk) cao hơn 57-80%.

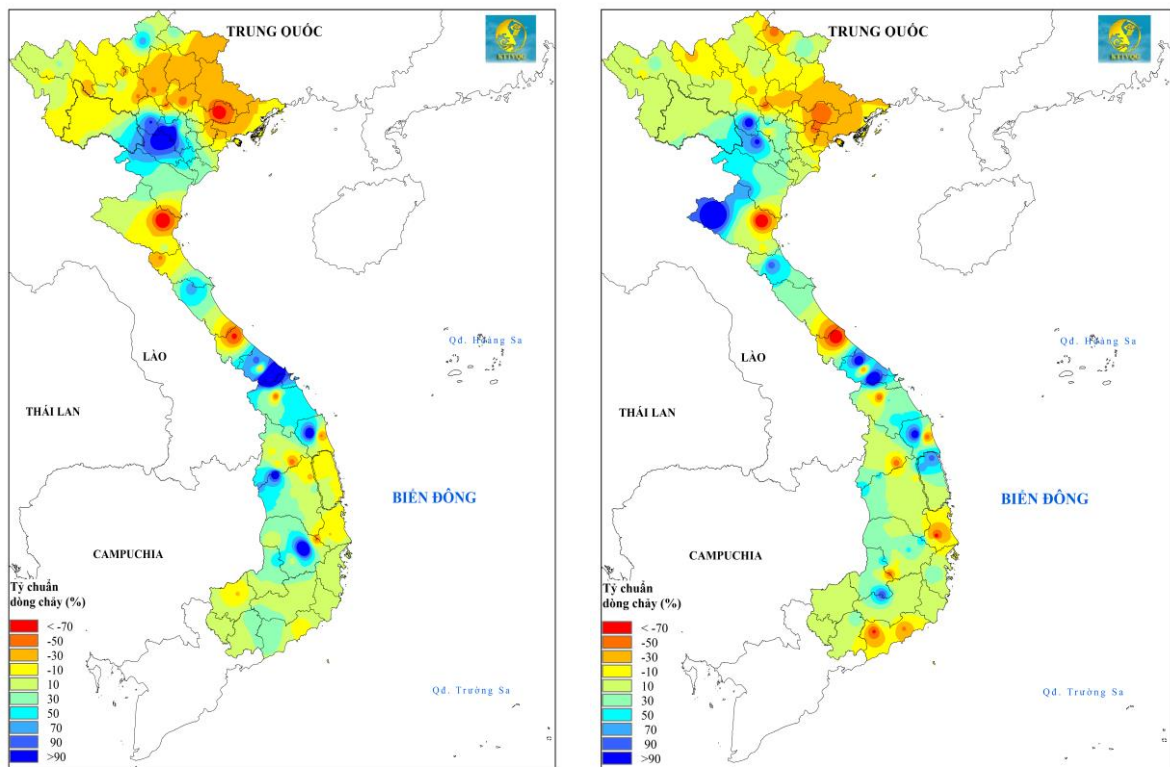
*c) Khu vực Nam Bộ:*

*Sông Đồng Nai:* Từ tháng 4/2025 đến nay, mực nước tại Tà Lài xuất hiện một số đợt dao động.

*Sông Cửu Long:* Mực nước các trạm trên dòng chính sông Mê Công biến đổi chậm theo xu thế lên dần. Mực nước các trạm trung và thượng lưu phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN (2012-2024) từ 0,05-0,5m, các trạm hạ lưu ở mức cao hơn TBNN từ 0,2-1,5m. Hiện nay, mực nước Biển Hồ tại trạm Kompong Luong cao hơn 0,09m so với TBNN và cao hơn 0,29m so với cùng kỳ năm 2024.

Tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ đầu tháng 4 đến nay ở mức cao hơn 16% so với TBNN và cao hơn khoảng 46% so với cùng kỳ năm 2024.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Hiện tại, mực nước cao nhất ngày 11/6 trên sông Tiền tại Tân Châu và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức tương đương TBNN.



(a)

(b)

Hình 4: (a) Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 4/2025;

(b) Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 5/2025

### **1.3. Tình hình hải văn:**

*Sóng biển:* Từ tháng 04/2025 đến nửa đầu tháng 06/2025, khu vực ngoài Biển Đông sóng cao 3,0-5,0m, khu vực vịnh Bắc Bộ 2,0-3,5m, vùng biển ngoài khơi Trung Bộ và Nam Bộ sóng cao 3,0-5,0m.

*Triều cường:* Từ tháng 04/2025 đến nửa đầu tháng 06/2025, khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 03 đợt triều cường. Trong đó, đợt triều cường ngày từ 01/4 đến 04/4/2025, mực nước cao nhất quan trắc được tại trạm Vũng Tàu là 4,22m lúc 15 giờ 30 phút ngày 01/4/2025.

## **2. Dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 7-9/2025**

### **2.1. Khí tượng**

- *Hiện tượng ENSO:* Hiện tại, hiện tượng ENSO tiếp tục trong điều kiện trung tính, với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương ở mức tương đương so với TBNN trong tuần đầu tháng 6/2025. Từ tháng 7 đến tháng 9/2025, ENSO có khả năng duy trì trạng thái trung tính với xác suất từ 70-90%.

- *Bão/ATNĐ:* Từ nay đến tháng 9/2025, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN (trên Biển Đông: 6,4 cơn, đổ bộ vào đất liền: 2,9 cơn).

- *Dông, lốc, sét, mưa đá:* Trên phạm vi cả nước tiếp tục xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

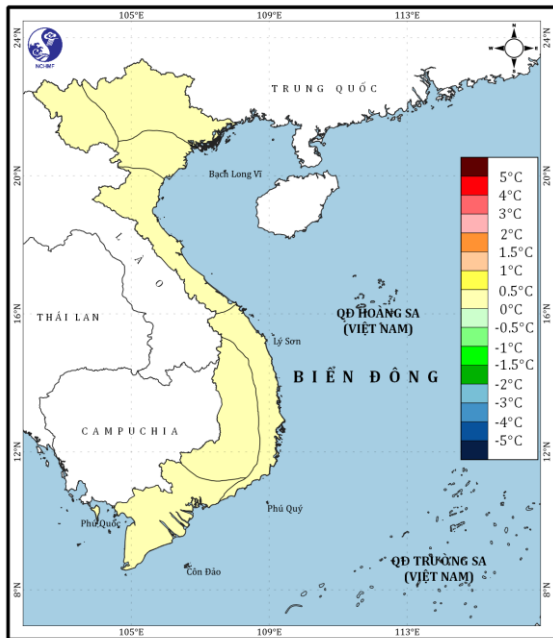
- *Mưa vừa, mưa to:* Từ tháng 7-9/2025, các đợt mưa vừa, mưa to nhiều khả năng xuất hiện ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

- *Nắng nóng:* NN tập trung tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ đến tháng 8/2025, từ tháng 9/2025 NN suy giảm dần.

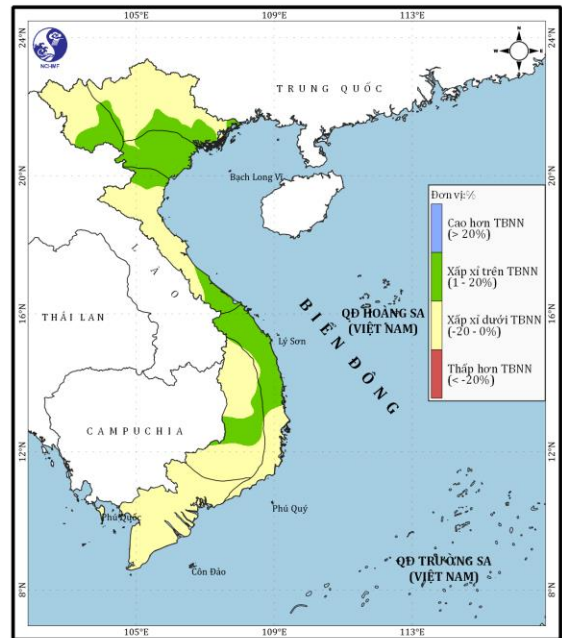
- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:* Bão, ATNĐ và gió mùa Tây Nam gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Hiện tượng NN, mưa lớn và dông, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

- *Nhiệt độ trung bình:* Từ tháng 7-9/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 5a, 6a, 7a*).

- *Tổng lượng mưa:* Từ tháng 7-9/2025, TLM trên cả nước phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 5b, 6b, 7b*).



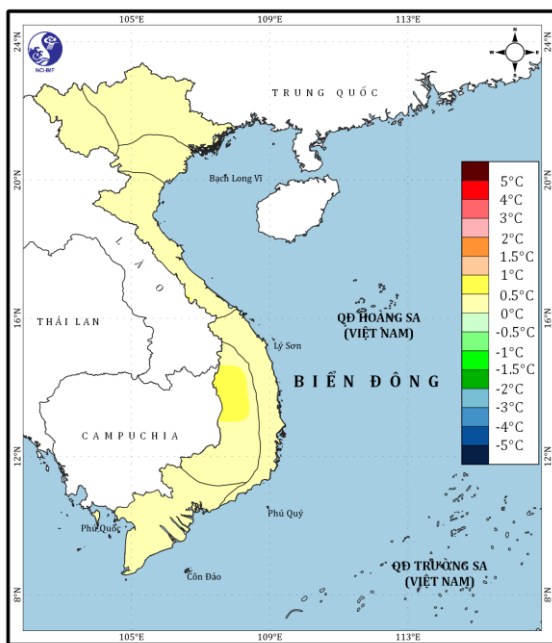
(a)



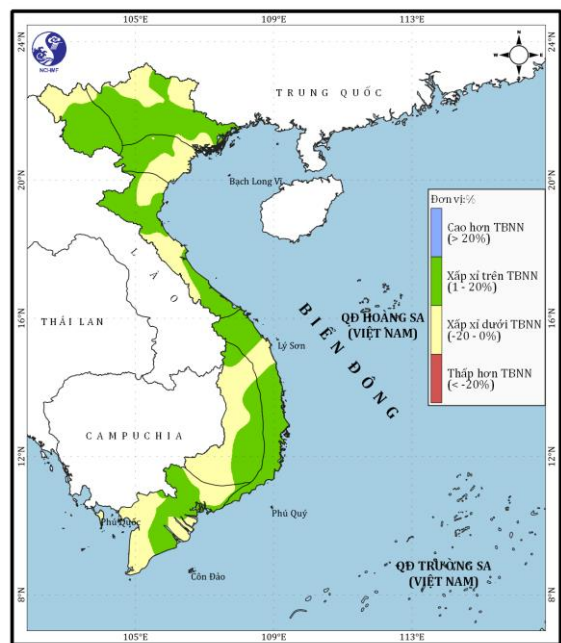
(b)

Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 7/2025;

(b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 7/2025.



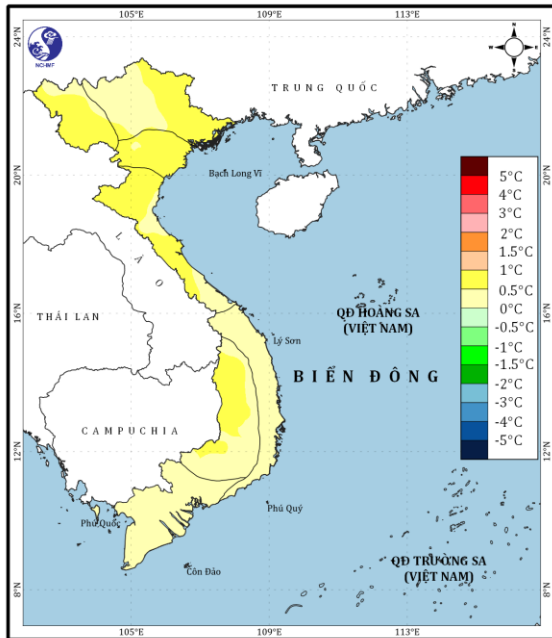
(a)



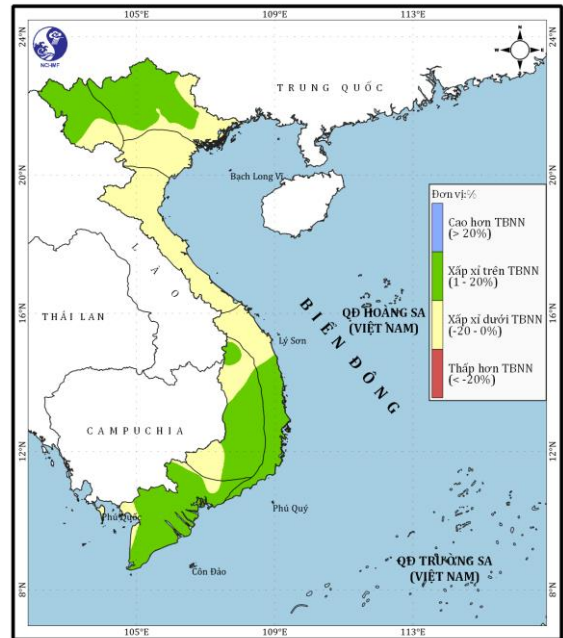
(b)

Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 8/2025;

(b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 8/2025.



(a)



(b)

Hình 7: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 9/2025;

(b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 9/2025.

+ Lưu vực sông Mê Kông: Tháng 7/2025, TLM phổ biến cao hơn 5-10% so với TBNN cùng thời kỳ, tháng 8/2025, khu vực thượng lưu, TLM cao hơn 5-10%, khu vực trung lưu và hạ lưu TLM phổ biến thấp hơn 5-10% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 9/2025 TLM phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn 5-10% so với TBNN cùng thời kỳ.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ tháng 7-9/2025

Khu vực dự báo	Tháng 7/2025		Tháng 8/2025		Tháng 9/2025	
	Ttb ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)	Ttb ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)	Ttb ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)
Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	200-300	25,5-26,5	200-300	25,0-26,0	100-200
Việt Trì (Đài KTTV Bắc Bộ)	29,0-30,0	200-300	28,5-29,5	250-350	28,5-29,5	150-250
Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	28,5-29,5	200-300	28,0-29,0	250-350	28,0-29,0	200-300
Hà Đông (Đài KTTV Bắc Bộ)	29,0-30,0	250-350	28,5-29,5	250-350	28,5-29,5	150-250
Vinh (Đài KTTV Trung Bộ)	29,5-30,5	100-200	29,0-30,0	200-300	28,5-29,5	350-450
Huế	29,0-30,0	40-80	28,5-29,5	100-200	28,0-29,0	350-450

Khu vực dự báo	Tháng 7/2025		Tháng 8/2025		Tháng 9/2025	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
(Đài KTTV Trung Bộ)						
Nha Trang (Đài KTTV Trung Bộ)	28,5-29,5	30-70	29,0-30,0	50-100	28,5-29,5	150-250
Buôn Ma Thuột (Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên)	24,5-25,5	200-300	24,5-25,5	250-350	24,5-25,5	250-350
Châu Đốc (Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên)	27,5-28,5	100-200	27,5-28,5	150-250	28,0-29,0	100-200

## 2.2. Thủy văn và nguồn nước

### a) Khu vực Bắc Bộ:

Từ tháng 7-9/2025, trên các sông chính ở Bắc Bộ có khả năng xuất hiện 04-05 đợt lũ, mực nước đỉnh lũ trên các sông chính ở khu vực Bắc Bộ ở mức báo động (BĐ)1 đến BĐ2, các sông suối nhỏ ở mức BĐ2 đến BĐ3.

Lượng dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên sông Đà tiếp tục thiếu hụt so với TBNN từ 20-40%, dòng chảy đến hồ Tuyên Quang, Thác Bà thấp hơn TBNN từ 5-20%, riêng trong tháng 9 dòng chảy đến hồ Thác Bà có khả năng xấp xỉ TBNN và hồ Tuyên Quang cao hơn 35% so với TBNN.

### b) Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên

#### + Bắc Trung Bộ:

Từ nửa cuối tháng 6/2025 đến tháng 8/2025, trên các sông ở Thanh Hóa và thượng lưu các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện 1-3 đợt lũ nhỏ và một số đợt dao động mạnh, trung lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

Trong tháng 9/2025, trên các sông trong khu vực có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ.

Lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng nhanh từ tháng 7-9 và biến động không đồng đều, cụ thể như sau: lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa sẽ thấp hơn từ 7-10% trong tháng 7, 9, tương đương TBNN trong tháng 8; dòng chảy hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn TBNN từ 25-50% trong 3 tháng tới; trên các sông chính ở Hà Tĩnh gồm sông Ngàn Phố sẽ thấp hơn từ 7-26%, sông Ngàn Sâu cao hơn khoảng 10% trong tháng 7 và thấp hơn từ 22-32% trong tháng 8 và 9.

+ *Trung Trung Bộ:*

Nửa cuối tháng 6/2025, mực nước trên thượng lưu các sông Quảng Bình đến Quảng Ngãi khả năng có dao động, hạ lưu biến đổi chậm. Trong tháng 7/2025, mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế hạ thấp dần. Trong tháng 8-9, mực nước trên các sông có khả năng xuất hiện 01-02 đợt lũ và dao động.

Lượng dòng chảy trên các sông từ tháng 7-9 thấp hơn TBNN từ 40-75%; sông Tả Trạch, sông Thu Bồn và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ 20-60%.

+ *Nam Trung Bộ:*

Từ nửa cuối tháng 6 đến tháng 9/2025, mực nước trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận có khả năng xảy ra 1-2 đợt lũ và 2-3 đợt dao động. Lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN, riêng tại An Hòa (Bình Định) và Đồng Trăng (Khánh Hòa) cao hơn so với TBNN.

Lượng dòng chảy trên các sông Phú Yên thấp hơn 40% so với TBNN, Khánh Hòa ở cao hơn TBNN 60%.

Tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ có khả năng xảy ra tại một số nơi không có công trình thủy lợi thuộc các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Yên.

+ *Tây Nguyên:*

Từ nửa cuối tháng 06 đến tháng 09/2025, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và có xu thế lên. Trên các sông suối có khả năng xuất hiện 2-4 trận lũ.

Lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 15-70%, một số sông ở mức cao hơn TBNN khoảng 15-20% như sông Krông Ana (Đắk Lắk), sông Cam Ly (Lâm Đồng).

c) *Khu vực Nam Bộ:*

*Sông Đồng Nai:* Từ tháng 7-9/2025, trên sông Đồng Nai có khả năng xuất hiện 02-03 đợt lũ và 03-04 đợt dao động.

*Sông Cửu Long:*

Từ cuối tháng 6 đến tháng 9/2025, tổng lượng dòng chảy trên sông Mê Công về ĐBSCL biến đổi chậm với xu thế lên dần. Tổng lượng dòng chảy về ĐBSCL từ tháng 7-8/2025 ở mức cao hơn TBNN từ 10-15% và cao hơn TBNN từ 5-10% trong tháng 9.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế lên dần.

Bảng 2: Dự báo thủy văn từ tháng 7-9/2025

Sông	Trạm	Tháng 7/2025			Tháng 8/2025			Tháng 9/2025		
		H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)
Đà	Hồ Hòa Bình	350	7000	2800	500	8500	3000	40	4800	1900
Thao	Yên Bái	2550	3000	2700	2630	3150	2800	2600	3100	2750
	Phú Thọ	1230	1450	1300	1270	1750	1420	1250	1600	1380
Lô	Tuyên Quang	1420	1930	1680	1450	1880	1620	1450	1950	1530
	Vụ Quang	680	980	820	700	1120	880	650	1100	780
Cầu	Đáp Cầu	55	450	140	70	500	220	50	350	150
Thương	Phủ Lạng Thương	50	450	150	75	510	230	55	380	160
Lục Nam	Lục Nam	45	450	145	70	480	205	35	320	125
Thái Bình	Phả Lại	40	400	135	65	435	200	35	280	130
Hồng	Hà Nội	150	500	320	190	700	400	160	600	300
Hoàng Long	Bến Đẽ	55	230	120	80	280	160	75	260	155
Mã	Giàng	-100	210	50	-70	250	76	-65	450	165
Cả	Nam Đàn	-75	210	60	-50	270	65	-45	520	135
La	Linh Cảm	-120	175	25	-95	170	30	-95	310	90
Gianh	Mai Hóa	-95	90	2	-95	120	5	-75	500	40
Hương	Kim Long	15	55	36	20	60	38	25	120	42
Thu Bồn	Câu Lâu	-58	70	10	-60	85	12	-30	180	35
Trà Khúc	Trà Khúc	-20	90	30	-15	125	40	5	200	65
Kôn	Thanh Hòa	650	705	670	630	700	650	600	695	630
Đà Rằng	Phú Lâm	-105	80	-15	-100	95	-10	-110	100	-5
Đăkbla	Kon Tum	51555	51675	51596	51560	51750	51602	51560	51850	51630
Krông Ana	Giang Sơn	41630	41830	41690	41680	41860	41745	41715	41920	41815
Đồng Nai	Tà Lài	11120	11200	11160	11140	11210	11165	11130	11220	11170
Tiền	Tân Châu	10	220	100	90	250	180	150	280	220
Hậu	Châu Đốc	5	200	95	70	230	160	120	250	190

Bảng 3: Dự báo nguồn nước từ tháng 7-9/2025

Sông	Trạm	Tháng 7/2025		Tháng 8/2025		Tháng 9/2025	
		Tổng lượng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng lượng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng lượng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )
Đà	Hồ Hòa Bình	300-400	7500	200-300	8035	100-200	4925
Thao	Yên Bái	250-350	2812	250-350	4259	100-200	3396
Lô	Tuyên Quang	250-350	5223	250-350	5089	100-201	4821
Hồng	Hà Nội	250-350	9669	200-300	12187	80-180	8735
Cầu	Gia Bảy	300-400	442	250-350	295	150-250	207
Lục Nam	Chũ	160-260	214	150-250	268	300-400	337
Mã	Cắm Thủy	250-350	1527	200-300	2662	400-500	1840
Cả	Yên Thượng	100-200	884	150-250	1152	400-500	2532
La	Hòa Duyệt	100-200	119.2	150-250	187.5	250-450	388.8
Tả Trách	Thượng Nhật	100-200	32.1	100-180	40.2	250-350	82.9
Thu Bồn	Nông Sơn	100-200	254	100-150	402	130-230	674
Trà Khúc	Sơn Giang	100-200	220	40-70	348	100-200	454
Ba	Cùng Sơn	40-80	200	250-350	430	200-300	520
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	30-60	130	250-350	140	250-350	180
ĐắkBla	KonTum	250-350	93.9	100-200	99.5	100-200	132
Srêpôk	Giang Sơn	200-300	229	100-200	300	100-200	381
Tiền	Tân Châu	80-150	31920	200-300	48350	100-200	52380
Hậu	Châu Đốc	80-150	5625	250-350	10230	100-200	12050

### 2.3. Hải văn

- *Sóng biển*: Từ cuối tháng 6/2025, khu vực Vịnh Bắc Bộ, vùng biển Quảng Trị-Quảng Ngãi, khu vực Bắc Biển Đông sóng cao 2,0-4,0m. Vùng biển từ Bình Định đến Ninh Thuận, khu vực Nam Biển Đông sóng biển cao 3,0-5,0m, khu vực Vịnh Thái Lan, độ sóng phổ biến dao động từ 1,5-3,0m.

- *Triều cường*: Từ cuối tháng 6 đến tháng 9/2025, tại khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 6 đợt triều cường, đợt 1 từ 25-27/6, đợt 2 từ ngày 10-15/7, đợt 3 từ ngày 23-29/7, đợt 4 từ ngày 08-17/8 và đợt 5 từ ngày 21-28/8 và đợt 6 từ ngày 09-13/9. Mực nước cao nhất tại trạm Vũng Tàu có thể đạt 3,9m khoảng thời gian từ 01-04h ngày 10/9/2025, các vùng trũng, thấp, ven sông và vùng ngoài đê bao khu vực ven biển phía Đông Nam Bộ có khả năng ngập úng. Tại ven biển Tây Nam Bộ, trong khoảng từ tháng 6-8/2025 cần đề phòng mực

nước biển dâng cao bất thường gây sạt lở đê biển trong thời gian xuất hiện triều cường kết hợp với gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh.

- Dự tính thủy triều:

*Bảng 4: Dự tính thủy triều từ tháng 7-9/2025*

Vị trí	Tháng 7/2025						Tháng 8/2025						Tháng 9/2025					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày
Cô Tô	425	16h28	12	11	3h17	12	407	15h25	09	31	2h20	09	411	17h05	13	22	3h25	13
Bạch Long Vỹ	337	15h27	24	-30	3h58	25	323	14h18	21	-15	1h54	21	311	11h39	17	-3	0h00	17
Hòn Ngư	291	15h30	24	1	5h26	24	295	14h49	21	30	4h29	21	297	13h28	17	43	0h11	16
Hoàng Sa	148	7h35	24	-19	16h49	24	137	6h30	21	-10	15h47	21	129	1h18	16	-1	13h41	16
Lý Sơn	200	8h39	25	45	17h55	11	189	8h22	09	56	17h02	08	182	2h24	16	67	13h15	15
Trường Sa	330	8h04	25	90	0h00	19	320	8h41	09	85	0h00	18	312	2h28	15	88	0h00	18
Phú Quý	292	5h38	23	119	19h54	12	294	4h35	20	130	19h32	10	292	3h36	17	144	11h14	15
Côn Đảo	338	3h55	25	112	0h04	17	332	3h18	23	106	17h57	05	333	4h42	13	84	11h45	13
Thổ Chu	129	14h21	10	80	4h01	10	126	13h22	07	83	2h46	07	122	8h56	15	85	22h49	15

### **3. Xu thế khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 10-12/2025**

#### **3.1. Khí tượng**

- *Hiện tượng ENSO*: Từ tháng 10-12/2025, hiện tượng ENSO có khả năng tiếp tục duy trì ở trạng thái trung tính với xác suất từ 55-65%.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 10-12/2025, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN (TBNN trên Biển Đông: 4,6 cơn, đổ bộ vào đất liền: 1,9 cơn).

- *Đông, lốc, sét*: Trên phạm vi cả nước có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như đông, lốc, sét và gió giật mạnh, tập trung vào tháng 10 và tháng 11.

- *Mưa vừa, mưa to*: Trong thời kỳ dự báo cần đề phòng những đợt mưa vừa, mưa to tại khu vực Trung Bộ.

- *Không khí lạnh (KKL)*: KKL hoạt động mạnh dần từ khoảng tháng 10/2025, gia tăng cường độ từ tháng 11/2025.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Bão, ATNĐ và gió mùa Đông Bắc gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông; hiện tượng mưa lớn và đông, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

- *Nhiệt độ trung bình*: Tháng 10-12/2025 NĐTĐ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Xu thế lượng mưa*:

+ Tháng 10-11/2025, TLM khu vực Trung và Nam Trung Bộ, Tây Nguyên cao hơn từ 10-25% TBNN, các nơi khác xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

+ Tháng 12/2025, TLM các khu vực trên phạm vi toàn quốc ở mức xấp xỉ so với TBNN.

+ Lưu vực sông Mê Kông: TLM trên hầu khắp các lưu vực sông trong tháng 10/2025 phổ biến cao hơn 10-20%. Trong tháng 11/2025 TLM tại khu vực thượng lưu xấp xỉ TBNN, khu vực trung lưu và hạ lưu cao hơn từ 5-15% so với TBNN. Tháng 12/2025, các khu vực thượng lưu và trung lưu TLM thấp hơn 5-10%, khu vực hạ lưu TLM ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

### **3.2. Thủy văn và nguồn nước**

#### **a) Khu vực Bắc Bộ:**

Từ tháng 10-12/2025, lượng dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên sông Đà phổ biến ở mức thiếu hụt so với TBNN từ 10-30%, riêng dòng chảy đến hồ Tuyên Quang và Thác Bà xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 5-60%. Dòng chảy trên các sông ở khu vực Bắc Bộ phổ biến ở mức thấp hơn TBNN khoảng 5-40%.

#### **b) Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên**

##### **+ Bắc Trung Bộ:**

Từ tháng 10-12/2025, trên các sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ có khả năng xuất hiện 2-4 đợt lũ.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông sẽ tăng nhanh: trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ 8-20%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 13-35%; các sông chính ở Hà Tĩnh gồm: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 15% trong tháng 10

và cao hơn 10-15% trong tháng 11-12; sông Ngàn Sâu thấp hơn từ 15% trong tháng 10 và cao hơn 40-50% trong tháng 11-12.

+ *Trung Trung Bộ:*

Trong tháng 10-12, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có khả năng xuất hiện 02-04 đợt lũ.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông Quảng Bình đến Quảng Ngãi phổ biến ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN từ 10-25%, sông Vệ thấp hơn từ 65-75%.

+ *Nam Trung Bộ:*

Từ tháng 10-12/2025, các sông từ Bình Định đến Bình Thuận có khả năng xuất hiện từ 03-04 đợt lũ. Mức nước đỉnh lũ ở Bình Định, Khánh Hòa ở mức BĐ2-BĐ3, các sông ở Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận dao động ở mức BĐ2.

Tổng lượng dòng chảy sẽ tăng. Lượng dòng chảy trên sông Ba (Phú Yên) tại Củng Sơn thấp hơn từ 20-40% so với TBNN, Khánh Hòa tại Đồng Trăng ở cao hơn TBNN từ 30-60%.

+ *Tây Nguyên:*

Từ tháng 10 đến giữa tháng 11, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi. Từ nửa cuối tháng 11-12, mực nước trên các sông có xu thế xuống dần. Trên các sông suối có khả năng xuất hiện 1-3 trận lũ.

Tổng lượng dòng chảy trên các sông dao động theo xu thế giảm dần vào cuối thời kỳ, phổ biến thấp hơn từ 10-70%, một số sông như sông EaKrông (Đắk Lắk), sông Cam Ly (Lâm Đồng) sẽ cao hơn từ 15-35% so với mức TBNN cùng kỳ.

*c) Khu vực Nam Bộ:*

*Sông Đồng Nai:* Trên sông Đồng Nai tại Tà Lài có khả năng xuất hiện 01-02 đợt dao động.

*Sông Cửu Long:* Mực nước sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế lên dần và đạt đỉnh vào khoảng tháng 10 và ở mức BĐ1, tại các trạm hạ lưu đỉnh lũ khả năng xuất hiện vào tháng 10, tháng 11. Đỉnh lũ tại các trạm hạ lưu đỉnh lũ ở mức BĐ3 và trên BĐ3, sau đó xuống dần.

Từ tháng 12/2025, xâm nhập mặn ở ĐBSCL có xu thế tăng dần, độ mặn cao nhất ở mức thấp hơn độ mặn cao nhất tháng 12/2024.

### **3.3. Hải văn**

Từ tháng 10-12/2025, có khả năng xuất hiện bão, ATNĐ trên Biển Đông. Bão, ATNĐ có thể gây sóng lớn khu vực Biển Đông từ 6,0-8,0m, vùng biển ngoài khơi Trung Bộ sóng biển cao 4,0-6,0m. Từ tháng 10-12/2025 do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc hoạt động mạnh, khu vực Vịnh Bắc Bộ sóng biển có thể đạt 2,0-4,0m, vùng biển ngoài khơi Trung Bộ sóng biển cao 4,0-6,0m.

Sóng lớn kết hợp với nước dâng do ảnh hưởng của bão, ATNĐ, gió mùa hoạt động mạnh có nguy cơ cao gây sạt lở bờ sông, bờ biển.

Từ tháng 10-12/2025, tại khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 06 đợt triều cường, trong đó đợt triều cường từ ngày 07/10 đến ngày 11/10 mực nước tại Vũng Tàu có thể ở mức 4,15m và đợt triều cường từ ngày 02/11 đến ngày 10/11 mực nước tại trạm Vũng Tàu có thể ở mức trên 4,35m. Do ảnh hưởng của triều cường ở mức cao khu vực trũng, thấp ở cửa sông ven biển, vùng ven tại các tỉnh ven biển khu vực phía Đông Nam Bộ có nguy cơ ngập, lụt. Ngoài ra, triều cường còn gây xâm nhập mặn sâu vào các nhánh sông, ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất nông nghiệp.

*Tin phát ngày: 15/6/2025.*

*Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/7/2025./.*

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng UBND TP HCM; Văn phòng UBND TP HCM;
- Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (Bộ QP);
- Cục BĐKH; Cục Quản lý TNN;
- Viện KTTV&BĐKH; Viện ĐC&KS;
- Ủy ban sông Mê Kông Việt Nam;
- Lãnh đạo Cục KTTV;
- Các đơn vị thuộc Cục KTTV;
- Lãnh đạo Trung tâm, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐBKH. ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Phúc Lâm**

**PHỤ LỤC**

Bảng 1. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ tháng 4/2025-nửa đầu tháng 6/2025

<b>Hiện tượng</b>	<b>Khu vực</b>	<b>Thời gian</b>
Đông, lốc, sét	Điện Biên, Kon Tum	05/4/2025
	Tương Dương (Nghệ An)	09/4/2025
Đông, lốc, mưa đá	Kon Tum, Đăk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh	13-14/4/2025
Đông, lốc	Gio Linh tỉnh Quảng Trị.	22/4/2025
Đông, lốc	huyện Thanh Chương, Anh Sơn, Tương Dương tỉnh Nghệ An. xã Gari huyện Tây Giang tỉnh Quảng Nam.	23/4/2025
Đông, lốc	Bắc Kạn, Kiên Giang Yên Thành, huyện Diên Châu, huyện Hưng Nguyên - tỉnh Nghệ An	28/4/2025
Đông, lốc kèm mưa lớn	Hòn Đất, Kiên Giang	01/5/2025
Đông, lốc kèm mưa lớn	Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai	07/5/2025
Đông, lốc, sét	Lào Cai, Sơn La, Tuyên Quang, Hòa Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định và Bình Dương,	9-11/5/2025
Đông	Đồng Nai, Cần Thơ	13/5/2025
Đông, lốc, sét, mưa đá	Tuyên Quang	Đêm 15-16/5/2025
Đông sét	Xuân Thành, xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, Thanh Hoá; huyện Mường Ảng, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	21/5/2025
Đông, mưa	Hà Tĩnh	24-25/5/2025
Đông, sét	16 giờ 30 phút ngày 28/5/2025, tại xóm 4, thôn 1, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc tỉnh Bình Thuận	28/5/2025
Đông, lốc	Đồng Tháp (Hồng Ngự)	01/6/2025
Sét	Cao Bằng	02/6/2025
Đông, sét	Hà Giang (Mèo Vạc)	08/6/2025

Bảng 2: Lượng mưa cao nhất ngày (mm) vượt GTLS trong tháng 4/2025

<b>Trạm khí tượng (tỉnh/TP)</b>	<b>Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 4 (mm)</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Lượng mưa vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Bảo Lạc (Cao Bằng)	66,0	2012	79,1	24/4/2025
Cúc Phương (Ninh Bình)	61,2	2022	94,8	13/4/2025
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	76,0	2014	82,2	28/4/2025

Bảng 3: Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 4

<b>Trạm</b>	<b>TLM tháng 4 lịch sử (mm)</b>	<b>Năm xuất hiện</b>	<b>TLM tháng 4/2025 (mm)</b>
Cúc Phương (Ninh Bình)	115,4	2018	141,8
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	111,4	2018	142,8

Bảng 4: Lượng mưa cao nhất ngày (mm) vượt GTLS trong tháng 5/2025

<b>Trạm khí tượng (tỉnh/TP)</b>	<b>Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 5</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Lượng mưa ngày vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Càng Long (Vĩnh Long)	129,2	1980	199,5	02/5/2025
Phan Rí (Lâm Đồng)	54,0	2024	109,2	10/5/2025
Trị An (Đồng Nai)	141,0	1986	145,3	10/5/2025
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	136,2	2022	170,2	11/5/2025
Hương Khê (Hà Tĩnh)	137,2	1981	155,9	25/5/2025
Trà Nóc (Cần Thơ)	68,4	2017	79,6	27/5/2025
Trường Sa (Khánh Hòa)	106,9	1989	139,3	28/5/2025
Minh Đài (Phú Thọ)	129,8	2021	141,9	29/5/2025
Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	88,2	2008	94,1	29/5/2025
Đồng Phú (Đồng Nai)	109,8	2003	110,0	29/5/2025

Bảng 5. Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 5

<b>Trạm</b>	<b>TLM tháng 5 lịch sử (mm)</b>	<b>Năm xuất hiện</b>	<b>TLM tháng 5/2025 (mm)</b>
Tuyên Quang	542,1	2022	552,2
Chiêm Hóa (Tuyên Quang)	450,2	2022	479,3
Chợ Rã (Thái Nguyên)	356,1	1975	434,1
Thất Khê (Lạng Sơn)	395,1	1979	410,2
Bái Thượng (Thanh Hóa)	658,0	1984	736,5
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	300,1	2017	374,3
Trường Sa (Khánh Hòa)	302,7	2022	309,1
Buôn Hồ (Đắk Lắk)	382,0	2023	459,0
Cát Tiên (Lâm Đồng)	468,3	2017	504,1
Vũng Tàu (Tp. Hồ Chí Minh)	339,8	1989	400,2

Bảng 6. Lượng mưa cao nhất ngày (mm) vượt GTLS trong tháng 6/2025

<b>Trạm</b>	<b>Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Lượng mưa ngày vượt GTLS tháng 6/2025</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Tam Đường (Lai Châu)	164,3	2010	172,2	08/6/2025
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	91,2	2015	92,4	02/6/2025
Đông Hà (Quảng Trị)	148,1	2013	302,3	12/6/2025
Khe Sanh (Quảng Trị)	173,2	1981	197,3	12/6/2025
Huế	254,7	1979	291,6	12/6/2025
A Lưới (Huế)	153,9	1985	391,5	12/6/2025
Nam Đông (Huế)	410,5	1983	559,3	12/6/2025
Đà Nẵng	212,4	1979	402,3	12/6/2025
Tam Kỳ (Đà Nẵng)	139,5	1983	197,6	12/6/2025
Phan Thiết (Lâm Đồng)	87,3	2002	113,0	02/6/2025